|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **BỘ TƯ PHÁP** |  | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
|  |  | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /TTr-BTP |  | *Hà Nội, ngày tháng năm 2022* |

**TỜ TRÌNH**

**Dự thảo Nghị định bãi bỏ**

**một số văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tư pháp kính trình Chính phủ dự thảo Nghị định bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH**

Thời gian qua, một số bộ, cơ quan ngang bộ đã thực hiện rà soát và phát hiện một số văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ ban hành không còn được áp dụng trên thực tế nhưng chưa có căn cứ pháp lý để xác định hết hiệu lực theo quy định tại các Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (năm 1996, năm 2008, năm 2015 và các Luật sửa đổi, bổ sung Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật). Về nguyên tắc, các văn bản này vẫn được xác định là “còn hiệu lực”. Do đó, để bảo đảm tính công khai, minh bạch của hệ thống pháp luật, đồng thời bảo đảm tuân thủ đúng quy định về hiệu lực của văn bản theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020), Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP), việc ban hành văn bản để bãi bỏ các văn bản nêu trên là cần thiết.

Thực hiện Nghị quyết số 23/NQ-CP, trên cơ sở đề xuất của các bộ, cơ quan, Bộ Tư pháp đã tổng hợp và thấy rằng có **14** văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ ban hành[[1]](#footnote-1) cần được bãi bỏ toàn bộ và **03** văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ ban hành cần được bãi bỏ một phần *(Chi tiết xin xem tại Phụ lục kèm theo Tờ trình này).*

**II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH**

**1. Mục đích**

Xử lý hiệu lực của các văn bản quy phạm pháp luật đã không còn được áp dụng trên thực tế nhưng chưa có căn cứ xác định hết hiệu lực theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, nhằm đảm bảo tính công khai, minh bạch của hệ thống pháp luật.

**2. Quan điểm xây dựng**

- Rà soát, xác định chính xác, đầy đủ những nội dung cần bãi bỏ;

- Tuân thủ các quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020) trong quá trình xây dựng Nghị định.

**III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH**

Theo Nghị quyết số 23/NQ-CP, dự thảo Nghị định được xây dựng theo trình tự, thủ tục rút gọn. Quá trình soạn thảo dự thảo Nghị định đã tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020), Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP), cụ thể như sau:

- Ngày 17/01/2022, Bộ Tư pháp có Công văn số 170/BTP-KTrVB đề nghị các bộ, ngành, đơn vị liên quan rà soát, đề xuất xử lý hiệu lực văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành.

- Ngày 14/6/2022, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ký ban hành Quyết định số 1349/QĐ-BTP về việc thành lập Tổ biên tập dự thảo Nghị định bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ.

- Ngày 20/7/2022, Tổ biên tập đã tổ chức họp, bàn bạc, trao đổi, thống nhất những nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định.

- Ngày 10/8/2022, Bộ Tư pháp đã có Công văn số 2879/BTP-KTrVB gửi lấy ý kiến các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với nội dung dự thảo Nghị định.

Dự thảo Nghị định đã được đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của Chính phủ, Cổng Thông tin điện tử của Bộ Tư pháp để lấy ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự tác động. Trên cơ sở đó, Bộ Tư pháp đã tổng hợp các ý kiến góp ý và hoàn thiện dự thảo Nghị định *(xin gửi kèm Bảng tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý đối với dự thảo Nghị định).*

- Ngày 23/9/2022, Tổ biên tập đã họp, cho ý kiến đối với dự thảo Nghị định.

- Ngày….., Bộ Tư pháp đã tổ chức họp Hội đồng thẩm định dự thảo Nghị định. Trên cơ sở Báo cáo thẩm định số …./BCTĐ-BTP ngày ……, Bộ Tư pháp đã nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Nghị định để trình Chính phủ *(xin gửi kèm Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định).*

**IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

**1. Về tên gọi văn bản**

Nội dung dự thảo Nghị định quy định việc bãi bỏ toàn bộ và bãi bỏ một phần đối với 17 văn bản thuộc nhiều lĩnh vực quản lý nhà nước của các bộ, ngành. Vì văn bản bãi bỏ thuộc nhiều lĩnh vực, dự thảo xác định tên gọi Nghị định là “Bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ”. Khoản 1 Điều 60 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định: *“Tên gọi của văn bản là một câu ngắn gọn hoặc một cụm từ, phản ánh khái quát nội dung chủ yếu của văn bản”.* Đồng thời, Điều 75 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 15 Điều 1 của Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật) quy định: *“Khi viện dẫn lần đầu văn bản có liên quan phải ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu văn bản, ngày, tháng, năm thông qua hoặc ký ban hành văn bản; tên cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản và tên gọi văn bản. Trong lần viện dẫn tiếp theo, đối với luật, pháp lệnh, ghi đầy đủ tên loại văn bản, tên gọi của văn bản; đối với các văn bản khác, ghi tên loại, số, ký hiệu của văn bản đó*”. Do đó, quy định tên gọi văn bản tại dự thảo Nghị định hiện nay sẽ không gây nhầm lẫn, khó khăn trong việc tra cứu.

**2.****Về bố cục, nội dung dự thảo Nghị định**

***2.1. Bố cục***

Dự thảo được xây dựng trên cơ sở Mẫu số 38 mục III Phụ lục I “Mẫu văn bản quy phạm pháp luật bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật” ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP. Dự thảo Nghị định gồm 03 điều, cụ thể là:

**- Điều 1:** Quy định việc bãi bỏ toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ ban hành. Các văn bản bãi bỏ toàn bộ được sắp xếp theo theo phạm vi điều chỉnh (trong đó sắp xếp các văn bản điều chỉnh về cùng một vấn đề được sắp xếp gần nhau) và theo thứ tự thời gian ban hành (từ ban hành trước đến ban hành sau).

**- Điều 2:** Quy định việc bãi bỏ một phần văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ ban hành. Các văn bản bãi bỏ một phần được sắp xếp theo theo phạm vi điều chỉnh (trong đó sắp xếp các văn bản điều chỉnh về cùng một vấn đề được sắp xếp gần nhau) và theo thứ tự thời gian ban hành (từ ban hành trước đến ban hành sau).

**- Điều 3**: Quy định về điều khoản thi hành (Hiệu lực thi hành và trách nhiệm thi hành Nghị định).

***2.2. Nội dung cơ bản***

Nội dung dự thảo Nghị định chỉ bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ một số văn bản do Chính phủ ban hành không còn được được áp dụng trên thực tế; dự thảo Nghị định không quy định chính sách mới hay sửa đổi, bổ sung chính sách hiện có trong các nghị định, do vậy không làm phát sinh nguồn nhân lực và tài chính trong triển khai, thi hành Nghị định sau khi được Chính phủ ban hành.

Dự thảo Nghị định không có nội dung liên quan đến vấn đề bình đẳng giới và không quy định về thủ tục hành chính hoặc làm phát sinh thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính).

Trên đây là nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Bộ Tư pháp kính trình Chính phủ xem xét, quyết định.

*Hồ sơ gửi kèm theo: (1) Dự thảo Nghị định; (2) Bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến đề xuất và góp ý về dự thảo Nghị định; (3) Báo cáo thẩm định; (4) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến của Hội đồng thẩm định về dự thảo Nghị định; (5) Công văn đề xuất bãi bỏ của các bộ, ngành./.*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Thủ tướng Chính phủ (để b/c);  - Phó Thủ tướng TTCP Phạm Bình Minh (để b/c);  - Văn phòng Chính phủ;  - Lưu: VT, KTrVB (4b). |  | **BỘ TRƯỞNG** Lê Thành Long |

1. Thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của các bộ: Bộ Công an; Bộ Công Thương; Bộ Nội vụ; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Tài chính, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. [↑](#footnote-ref-1)